

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 04 /2023/DS-PT

Ngày 04 - 01- 2023

*“V/v Tranh chấp về thừa  
kế quyền sử dụng đất”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tăng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thị Dạm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc *“Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 416/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Khóm Tân Đg B, thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1949.

2.2. Ông Võ Văn Kh, sinh năm 1949.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Tân Th, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Võ Phương B, sinh năm 1981.

3.2. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: xã Phú L, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Anh Võ Thanh T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân Th, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Võ Thanh S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp B, xã Tân Th, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987.

3.6. Chị Nguyễn Thị Huệ Ln, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Tân Th, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968.

3.8. Chị Đỗ Thị Bh, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: xã Phú L, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp.

\* **Người kháng cáo:** Do kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D là nguyên đơn.

Ông D, anh T, anh S, anh L, chị Ln có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc D trình bày:**

Trước năm 1975, cha mẹ ông là cụ Nguyễn Văn Tr (chết năm 1964) và cụ Trương Thị K1 (chết năm 1983) có khai phá đất hoang được 23.547,2m<sup>2</sup> đất lúa tại ấp 2, xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Khoảng năm 1975, ông D về thị trấn Thanh Bình làm việc và sinh sống nên ông tạm giao lại phần đất này cho bà Nguyễn Thị Kim Ch là chị ruột và chồng bà Ch là ông Võ Văn Kh canh tác để nuôi mẹ. Cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Trương Thị K1 chỉ có 02 người con là ông D và bà Ch.

Sau đó do ông D gặp khó khăn nên có lấy 7.000m<sup>2</sup> (07 công) bán cho người khác; còn lại diện tích 16.547,2m<sup>2</sup>, thì bà Ch đi đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện Thanh B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ch đối với phần đất này (ông D không rõ bà Ch đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời gian nào). Sau này (không biết thời gian nào), bà Ch mới sang tên lại cho ông Võ Văn Kh (chồng bà Ch).

Ngày 03/10/1995, Ủy ban nhân dân huyện Thanh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Võ Văn Kh thửa 163, diện tích 13.227m<sup>2</sup>, mục đích sử

dụng: 2L; thửa 214, diện tích 3.100m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Mn/Hg; thửa 162, diện tích 450m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Hg; cùng tờ bản đồ số 2.

Đến ngày 09/11/2018, cấp đổi quyền sử dụng đất nêu trên thành thửa 274, tờ bản đồ số 5, diện tích 7.099,4m<sup>2</sup>; thửa 47, tờ bản đồ số 27, diện tích 7.438,8m<sup>2</sup>; thửa 51, tờ bản đồ số 27, diện tích 2.009m<sup>2</sup>; do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ ông Võ Văn Kh.

Ngày 20/8/2019, hộ ông Võ Văn Kh có đơn đề nghị hợp thửa đất, hợp các thửa đất nêu trên. Đến ngày 05/9/2019, hộ ông Võ Văn Kh được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp các thửa đất nêu trên thành thửa 59, tờ bản đồ số 27, diện tích 16.547,2m<sup>2</sup>.

Ngày 26/11/2019, hộ ông Võ Văn Kh gồm: Ông Võ Văn Kh, bà Nguyễn Thị Kim Ch, anh Võ Phương B, anh Võ Thanh T, anh Võ Thanh S chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 6.837m<sup>2</sup> cho anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Huệ Ln; chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 6.500m<sup>2</sup> cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1; tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 3.210,2m<sup>2</sup> cho anh Võ Phương B.

Ông D cho rằng phần đất diện tích 23.547,2m<sup>2</sup> là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Tr và cụ Trương Thị K1 là cha mẹ của ông D và bà Ch để lại, ông D đã bán 7.000m<sup>2</sup>, còn lại diện tích 16.547,2m<sup>2</sup> hộ ông Kh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 4.773,6m<sup>2</sup> ( $23.547,2m^2 : 2 - 7.000m^2 = 4.773,6m^2$ ) là phần tài sản mà ông được hưởng thừa kế.

Phần đất diện tích 16.547,2m<sup>2</sup> nêu trên ông giao cho bà Ch và ông Kh canh tác từ năm 1975 đến khi họ chuyển nhượng cho người khác. Từ năm 1975, ông D không có canh tác phần đất này.

Nay ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu cho ông được hưởng thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 4.773,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.210,2m<sup>2</sup> (thực đo 3.175m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05526 ngày 25/12/2019, do anh Võ Phương B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần thửa 61, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.500m<sup>2</sup> (thực đo 6.463,3m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05525 ngày 25/12/2019, do anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (gồm mốc M2', M3, M4, M5, M6,

M7, M8, M9 đến mốc M9' về mốc M2' theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa nguyên đơn: Nguyễn Ngọc D với bị đơn: Nguyễn Thị Kim Ch của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp).

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn Kh trình bày:**

Ông Võ Văn Kh và bà Nguyễn Thị Kim Ch là vợ chồng kết hôn khoảng năm 1975. Trước đây cha mẹ vợ ông là cụ Nguyễn Văn Tr (chết năm 1964) và cụ Trương Thị K1 (chết năm 1983) có khai phá đất hoang được khoảng 15 công mấy đất tại ấp 2, xã Phú Lợi, trong đó chỉ có 10 công đất lúa là canh tác được, còn lại 05, 06 công là đất địa, bào, gia đình ông Kh và bà Ch phải san lấp thêm mới canh tác được. Trước năm 1975 (không nhớ rõ cụ thể năm nào), bà K1 để lại (cho luôn) phần đất này (việc bà K1 cho vợ chồng ông phần đất này chỉ nói miệng, không lập văn bản gì) cho vợ chồng ông để canh tác, vì thời điểm đó, ông D đi làm cán bộ nhà nước ở ngoài thị trấn Thanh Bình, nên không có canh tác đất. Vì vậy, ông Kh và bà Ch nhận phần đất này, canh tác từ trước năm 1975 và canh tác đến khi chuyển nhượng cho người khác.

Sau đó ông Kh đi đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông với diện tích đất khoảng mười mấy công (không rõ diện tích bao nhiêu, không rõ số thửa, tờ bản đồ, ... các thửa đất được cấp cho hộ gia đình ông Kh).

Năm 2019, hộ ông Kh gồm: ông Võ Văn Kh, bà Nguyễn Thị Kim Ch, anh Võ Thanh S, anh Võ Thanh T và anh Võ Phương B bán (chuyển nhượng) cho vợ chồng anh Đ và chị B1, vợ chồng anh L và chị Ln, tặng cho cho anh B. Hiện nay, ông Kh và bà Ch không còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nào.

Ông Võ Văn Kh không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D nêu trên, do quyền sử dụng đất nêu trên trước đây được cấp cho hộ gia đình, ông D không có sử dụng, canh tác trên phần đất này từ năm 1975 đến khi hộ gia đình ông Kh chuyển nhượng cho người khác, và hiện nay ông Kh không còn đứng tên quyền sử dụng đất nào.

**\* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Ch có văn bản trình bày:**

Bà Ch thống nhất trình bày của ông Võ Văn Kh.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Phương B có văn bản trình bày:**

Anh và chị Phạm Thị L1 là vợ chồng. Năm 2019, anh B được cha ruột là ông Võ Văn Kh tặng cho diện tích. 3.210,2m<sup>2</sup> (thực đo 3.175m<sup>2</sup>), thửa 62, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước. Anh B được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05526 ngày 25/12/2019. Phần đất này anh được tặng cho là tài sản riêng của anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Hiện anh B đã cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B thuê từ năm 2022 đến năm 2023 với giá 12.000.000 đồng/02 năm.

Anh B không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thanh T và anh Võ Thanh S trình bày:**

Anh T và anh S thống nhất trình bày của ông Kh, không thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông D.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Huệ Ln trình bày:**

Năm 2019, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Huệ Ln có chuyển nhượng của ông Võ văn Kh, diện tích 6.837m<sup>2</sup>, thửa 60, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.837m<sup>2</sup> (thực đo 6.873,1m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, anh L và chị Huệ Ln được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05524 ngày 25/12/2019. Anh chị không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1 trình bày:**

Năm 2019, anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1 có chuyển nhượng của ông Võ văn Kh, diện tích 6.500m<sup>2</sup>(đo đạc thực tế 6.463,3m<sup>2</sup>), thửa 61, tờ bản đồ số 27, mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, anh Đ và chị B1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05525 ngày 25/12/2019. Anh chị không có yêu cầu hay ý kiến gì trong vụ án này.

Tại quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc cho ông được hưởng thừa theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 4.773,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.210,2m<sup>2</sup> (thực đo 3.175m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận sổ vào sổ cấp GCN: CS05526 ngày 25/12/2019, do anh Võ Phương B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần thửa 61, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.500m<sup>2</sup> (thực đo 6.463,3m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận sổ vào sổ cấp GCN: CS05525 ngày 25/12/2019, do anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (gồm mốc M2', M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 đến mốc M9' về mốc M2' theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa nguyên đơn: Nguyễn Ngọc D với bị đơn: Nguyễn Thị Kim Ch của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).

## 2. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc D, hộ ông Võ Văn Kh (gồm: ông Võ Văn Kh, bà Nguyễn Thị Kim Ch, anh Võ Thanh S, anh Võ Thanh T và anh Võ Phương B), anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Huệ Ln, anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị B1 và chị Phạm Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## 3. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định là 6.159.820 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi đồng) (ông D đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 9 năm 2022 ông D là nguyên đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Ông Nguyễn Ngọc D yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D cho ông được hưởng thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 4.773,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.210,2m<sup>2</sup> (thực đo 3.175m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, và một phần thửa 61, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.500m<sup>2</sup> (thực đo 6.463,3m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia phiên tòa chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Tr (chết 1964) và cụ Trương Thị K1 (chết 1983) khai phá được ông Võ Văn Kh thừa nhận. Tuy nhiên, ông Kh cho rằng cụ Tr và cụ K1 khai phá được khoảng 15 công, trước năm 1975, ông Kh và bà Ch được cụ K1 cho toàn bộ diện tích đất. Ông Kh và bà Ch quản lý sử dụng đến năm 1995 ông Kh kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 16.777m<sup>2</sup>, ông Kh và bà Ch không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông D.

[2] Xét thấy, về phía ông Kh và bà Ch thừa nhận phần đất tranh chấp là của cụ Tr và cụ K1 khai phá, mặc dù ông Kh và bà Ch không có chứng cứ chứng minh được cụ Tr và cụ K1 cho đất. Tuy nhiên, ông D thừa nhận từ trước năm 1975 đến nay, ông D không có quản lý sử dụng phần đất tranh chấp, mà phần đất tranh chấp do ông Kh và bà Ch quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 đến nay. Ông D cũng không có giấy tờ chứng minh là ông D tạm giao cho bà Ch và ông Kh quản lý sử dụng.

[3] Mặt khác, ông D cũng không có giấy tờ chứng minh khi cụ K1 còn sống được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất cho cụ K1.

Như vậy, không đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Tr và cụ K1.

[4] Ông Kh, bà Ch quản lý sử dụng phần đất tranh chấp từ trước 1975, đến năm 1995 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2018 ông Kh được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2019, ông Kh, bà Ch chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Huệ Ln; chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn Đ và chị B1; tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Võ Phương B. Anh L, chị L1, anh Đ, chị B1, anh B đều được Cơ quan Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Phần đất tranh chấp ông Kh, bà Ch quản lý, sử dụng liên tục ổn định trên 40 năm, trong quá trình sử dụng ông Kh được cấp, cấp đổi giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông D đều biết nhưng không có tranh chấp khiếu nại gì.

Với những cơ sở trên, án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông D là có căn cứ.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của ông D là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[9] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí. Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 612, 649 Bộ Luật dân sự; Khoản 1, Điều 148; khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc D.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 77/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc D về việc cho ông được hưởng thừa theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 4.773,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 27, diện tích 3.210,2m<sup>2</sup> (thực đo 3.175m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05526 ngày 25/12/2019, do anh Võ Phương B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một phần thửa 61, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.500m<sup>2</sup>



(thực đo 6.463,3m<sup>2</sup>), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận số vào sổ cấp GCN: CS05525 ngày 25/12/2019, do anh Nguyễn Văn Đ và chị Đỗ Thị B1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (gồm mốc M2', M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9 đến mốc M9' về mốc M2' theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp giữa nguyên đơn: Nguyễn Ngọc D với bị đơn: Nguyễn Thị Kim Ch của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp).

## 2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Ngọc D, hộ ông Võ Văn Kh (gồm: ông Võ Văn Kh, bà Nguyễn Thị Kim Ch, anh Võ Thanh S, anh Võ Thanh T và anh Võ Phương B), anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị Huệ Ln, anh Nguyễn Văn Đ, chị Đỗ Thị B1 và chị Phạm Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông D.

## 3. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc D phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định là 6.159.820 đồng (sáu triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm hai mươi đồng) (ông D đã nộp và chi xong).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**Nguyễn Tấn Tạng**